

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, SỬ DỤNG THUỐC LÁ ĐIỆN TỬ CỦA HỌC SINH NAM VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở HAI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ THÁI BÌNH NĂM 2024

Nguyễn Văn Tiến^{1*}, Đỗ Quỳnh Anh¹, Vũ Minh Anh¹,
Lê Hà Mai Anh¹, Nguyễn Trọng Duynh¹, Trần Thị Minh Hằng¹,
Hoàng Khánh Linh¹, Nhâm Tiến Quỳnh¹, Bùi Thuỷ Dung¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu này mô tả thực trạng kiến thức, thái độ, sử dụng thuốc lá điện tử và một số yếu tố liên quan của học sinh nam tại hai trường THPT tại thành phố Thái Bình năm 2024.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 724 học sinh nam tại hai trường THPT Nguyễn Đức Cảnh và THPT Quách Đình Bảo từ tháng 3/2024 đến tháng 12/2024.

Kết quả: Tỷ lệ học sinh nam có kiến thức đạt về thuốc lá điện tử là 74,9%, về thái độ 97,8% học sinh nam có thái độ đúng về thuốc lá điện tử. Trường đang theo học, con thứ trong gia đình là những yếu tố liên quan đến kiến thức của nam học sinh về TLĐT, trong khi đó, mức tiêu vặt hàng tháng, tiếp xúc với quảng cáo TLĐT, có người thân, bạn bè sử dụng TLĐT và thái độ chưa đúng là yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng TLĐT của nam học sinh.

Kết luận: Tỷ lệ học sinh nam sử dụng thuốc lá điện tử ở mức cao. Điều này đến từ việc nam học sinh chưa có thái độ đúng về tác hại của thuốc lá điện tử cũng như sở hữu mức tiền tiêu vặt hàng tháng cao và học theo người thân, bạn bè xung quanh sử dụng TLĐT.

Từ khoá: Thuốc lá điện tử, học sinh nam trung học phổ thông, kiến thức, thái độ.

THE REALITY OF KNOWLEDGE, ATTITUDES, ELECTRONIC CIGARETTES OF MALE STUDENTS AND RELATED FACTORS IN TWO HIGH SCHOOLS IN THAI BINH CITY IN 2024

ABSTRACT

Objectives: This study describes the current status of knowledge, attitude, use of e-cigarettes and some related factors of male students at two high schools in Thai Binh city in 2024.

Method: Cross-sectional descriptive study on 724 male students at two high schools Nguyen

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

*Tác giả chính: Nguyễn Văn Tiến

Email: tiennv@tbump.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/12/2024

Ngày phản biện: 9/3/2025

Ngày duyệt bài: 11/3/2025

Duc Canh and Quach Dinh Bao from March 2024 to September 2024.

Results: The percentage of male students with knowledge about e-cigarettes is 74.9%, and 97.8% of male students have correct attitudes about e-cigarettes. The school they are attending and the second child in the family are factors related to male students' knowledge about e-cigarettes, while monthly pocket money, exposure to e-cigarette advertisements, having relatives and friends using e-cigarettes and incorrect attitudes are factors related to the current status of e-cigarette use by male students. **Conclusion:** The percentage of male students using e-cigarettes is high. This comes from the fact that male students do not have the correct attitude about the harmful effects of e-cigarettes as well as having a high monthly pocket money and learning from relatives and friends around them to use e-cigarettes.

Keywords: E-cigarettes, knowledge, attitude, male students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuốc lá điện tử là một thiết bị cầm tay với cơ chế hoạt động là đốt nóng tinh dầu có chứa nicotine, tạo dạng hơi để người sử dụng hít vào qua đường hô hấp mà không cần thông qua quá trình đốt cháy [1]. Thuốc lá điện tử đã xuất hiện trên thế giới từ những năm 1988, tuy nhiên thời điểm đó, thuốc lá điện tử không cạnh tranh được với thuốc lá truyền thống do không có nhiều yếu tố hấp dẫn người sử dụng. Tại Hoa Kỳ, theo thống kê của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, tỷ lệ sử dụng thuốc lá ở nhóm đối tượng là thanh, thiếu niên đã tăng mạnh từ 11,3% năm 2016 lên 20,8% năm 2018 và tiếp tục tăng lên 27,5% năm 2019 [2].

Trong khu vực Đông Nam Á, tỷ lệ sử dụng thuốc lá điện tử ở thanh thiếu niên được các nhà nghiên cứu công bố vào năm 2022 cao nhất ở Indonesia (11,8%) và thấp nhất ở Thái Lan (3,3%) [3]. Tại Việt Nam, thuốc lá điện tử đã và đang được sử dụng như một thú chơi mới của giới trẻ. Đối tượng sử dụng thuốc lá điện tử thường là những thanh thiếu niên trong độ tuổi học đường (chủ yếu là trung học

phổ thông và một phần học sinh trung học cơ sở). Một nghiên cứu gần đây ở Việt Nam cho thấy, tỷ lệ học sinh sử dụng thuốc lá điện tử là 4,6% và chiếm tỷ lệ cao ở học sinh nam trung học phổ thông [4]. Do vậy, thuốc lá điện tử đang ngày càng phổ biến và là vấn đề cần được quan tâm, đặc biệt là ở các đối tượng học sinh nam tại các trường trung học phổ thông.

Việc tìm hiểu thực trạng sử dụng thuốc lá điện tử ở nhóm đối tượng học sinh nam các trường trung học phổ thông nhằm cung cấp bằng chứng khoa học cho việc xây dựng chính sách về kiểm soát thuốc lá điện tử, từ đó xây dựng các giải pháp can thiệp và thực hiện các can thiệp kịp thời để tăng cường sự hiểu biết của nhóm đối tượng này về thuốc lá điện tử là việc làm rất cần thiết. Mặc dù, ở Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu về việc sử dụng thuốc lá điện tử. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào nhóm người trưởng thành và tập trung ở những khu vực thành phố phát triển như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cũng như chưa đánh giá đầy đủ về kiến thức, thái độ học sinh nam về thuốc lá điện tử [4]. Do vậy, để tìm hiểu kiến thức, thái độ và thực hành sử dụng thuốc lá điện tử cũng như một số yếu tố liên quan của học sinh nam trung học phổ thông, chúng tôi thực hiện nghiên cứu: “Thực trạng kiến thức, thái độ và sử dụng thuốc lá điện tử của học sinh nam và một số yếu tố liên quan ở hai trường Trung học phổ thông tại thành phố Thái Bình năm 2024” với mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ và sử dụng thuốc lá điện tử cũng như xác định một số yếu tố liên quan của học sinh nam hai trường Trung học phổ thông tại thành phố Thái Bình năm 2024.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là học sinh nam lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đang học tập tại hai trường THPT thuộc thành phố Thái Bình.

Tiêu chuẩn lựa chọn:

Học sinh là nam giới có mặt tại thời điểm nghiên cứu

Học sinh tự nguyện đồng ý tham gia vào nghiên cứu và trả lời phỏng vấn

Học sinh không mắc bệnh tâm thần kinh

Học sinh có khả năng hiểu mục đích thực hiện nghiên cứu, hiểu nội dung bộ câu hỏi và trả lời bộ câu hỏi.

Tiêu chuẩn loại trừ:

Học sinh không có mặt tại thời điểm nghiên cứu

Học sinh không đồng ý tham gia nghiên cứu

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu từ tháng 3/2024 đến tháng 12/2024

Địa điểm nghiên cứu: Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh và trường THPT Quách Đình Bảo.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích

2.3.2. Cỡ mẫu

Áp dụng công thức ước tính cỡ mẫu cho một tỷ lệ:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: Cỡ mẫu cần thiết.

Z: Hệ số tin cậy tính theo α , chọn $\alpha=0,05$ ($Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$).

d: Khoảng sai lệch mong muốn giữa tỷ lệ p thu được từ mẫu và thu được từ quần thể. Chọn $d = 0,04$.

p: Tỷ lệ sử dụng thuốc lá điện tử của học sinh nam trường THPT, chọn $p = 0,57$ theo kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Hải năm 2022 [5]. Thay vào công thức tính được $n=600$ học sinh. Thực tế, chúng tôi tiến hành điều tra 724 học sinh nam đủ tiêu chuẩn đưa vào nghiên cứu

2.3.3. Phương pháp chọn mẫu

Chọn chủ đích 2 trường THPT là THPT Nguyễn Đức Cảnh và THPT Quách Đình Bảo đưa vào nghiên cứu.

724 học sinh nam đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn mẫu sẽ được chọn từ 2 trường THPT với tỷ lệ tương ứng 7 nam học sinh THPT Nguyễn Đức Cảnh và 3 nam học sinh THPT Quách Đình Bảo. Từ đó tính toán được số học sinh nam cần chọn ở trường THPT Nguyễn Đức Cảnh là 507 học sinh nam và trường THPT Quách Đình Bảo là 217 học sinh nam.

Học sinh nam từ hai trường sẽ được chọn vào mẫu nghiên cứu theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, điều tra viên đến trường và xin phép Ban Giám hiệu phỏng vấn nam học sinh theo thứ tự từng lớp cho đến khi đủ cỡ mẫu thì dừng lại.

2.4. Biến số trong nghiên cứu

Nhóm biến số về thông tin chung của học sinh nam: Hoàn cảnh sống, khối lớp, trường học, số tiền tiêu vặt hàng tháng

Nhóm biến số đánh giá kiến thức, thái độ của học sinh nam về thuốc lá điện tử

Nhóm biến số về thực trạng sử dụng thuốc lá điện tử của học sinh nam

2.5. Phương pháp thu thập số liệu

2.5.1. Công cụ thu thập số liệu

Sử dụng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn bao gồm 4 phần Thông tin chung của nam học sinh

Kiến thức và thái độ về tác hại của thuốc lá điện tử Thực trạng sử dụng thuốc lá điện tử

Tiếp xúc với quảng cáo và thói quen sử dụng thuốc lá điện tử những người xung quanh

2.5.2. Phương pháp thu thập số liệu

Bước 1: Thử nghiệm và hoàn thiện bộ công cụ

Bước 2: Tập huấn cho điều tra viên

Bước 3: Triển khai thu thập số liệu

Bước 4: Xử lý, phân tích số liệu

Bước 5: Viết báo cáo đề tài

2.6. Tiêu chuẩn đánh giá

2.6.1. Đánh giá kiến thức

Đánh giá kiến thức của học sinh nam bao gồm 9 câu hỏi với tổng số điểm tối đa là 9 điểm. Nam học sinh được đánh giá có kiến thức đạt khi tổng số điểm ≥ 5 và không đạt khi tổng số điểm < 5 .

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kiến thức, thái độ và sử dụng thuốc lá điện tử của nam học sinh

Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (n=724)

Đặc điểm		Số lượng (n=724)	Tỷ lệ (%)
Trường	THPT 1	507	70,0
	THPT 2	217	30,0
Lớp	Lớp 10	216	29,8
	Lớp 11	327	45,2
	Lớp 12	181	25,0
Mức tiêu vật hàng tháng	< 20.000 VNĐ	272	37,6
	20.000-50.000 VNĐ	202	27,9
	50.000-100.000 VNĐ	129	17,8
	>100.000 VNĐ	121	16,7
Người sống cùng	Bố và mẹ	646	89,2
	Chỉ cùng bố	17	2,3
	Chỉ cùng mẹ	41	5,7
	Người bảo hộ	12	1,7
	Khác	8	1,1
Con thứ trong gia đình	Thứ nhất	379	52,4
	Thứ hai	294	40,6
	Thứ 3 trở lên	51	7,0

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu bảng 1 cho thấy tỷ lệ đối tượng nghiên cứu học tại trường THPT 1 (THPT Nguyễn Đức Cảnh) là 70,0% và THPT 2 (THPT Quách Đình Bảo) là 30,0%. Đa số đối tượng đang học lớp 11 (45,2%), sống cùng bố và mẹ (89,2%) và là con thứ nhất (52,4%) và con thứ 2 (40,6%).

2.6.2. Đánh giá thái độ

Đánh giá thái độ của học sinh nam bao gồm 5 câu hỏi với tổng số điểm tối đa là 25 điểm. Học sinh nam được đánh giá có thái độ tốt khi tổng số điểm ≥ 13 và không tốt khi tổng số điểm < 13 .

2.7. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được nhập, làm sạch và quản lý bằng phần mềm Epidata 3.1. Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 26.0. Thống kê mô tả được trình bày dưới dạng số lượng, tỷ lệ (%); $\bar{X} \pm SD$ với biến tuân theo phân phối chuẩn; trung vị (khoảng) với biến không tuân theo phân phối chuẩn. Thống kê suy luận sử dụng test χ^2 để so sánh sự khác nhau giữa hai tỷ lệ phần trăm; Sử dụng test T - Student để so sánh sự khác nhau giữa hai giá trị trung bình. Tính tỷ suất chênh OR để xác định một số yếu tố liên quan.

Kết quả nghiên cứu được coi là có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu tuân thủ mọi quy định về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.

Bảng 2. Đánh giá kiến thức của đối tượng nghiên cứu về thuốc lá điện tử theo trường

Kiến thức về TLĐT	THPT 1 (n=467)		THPT 2 (n=211)		Tổng (n=678)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Đạt	366	78,4	142	67,3	508	74,9
Không đạt	101	21,6	69	32,7	170	25,1
Điểm kiến thức (± SD)	5,2 ± 2,5		5,0 ± 2,4		5,1 ± 2,5	

Nhận xét: Bảng 2 đánh giá kiến thức của đối tượng nghiên cứu về TLĐT, theo đó, tỷ lệ học sinh nam có kiến thức về TLĐT đạt chiếm 74,9% với điểm kiến thức trung bình là 5,1 ± 2,5 điểm. Trong đó, tỷ lệ này ở nhóm học sinh nam THPT 1 là 78,4% và THPT 2 là 67,3%.

Bảng 3. Đánh giá thái độ của đối tượng nghiên cứu về thuốc lá điện tử theo trường

Thái độ với TLĐT	THPT 1 (n=467)		THPT 2 (n=211)		Tổng (n=678)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Đạt	457	97,9	206	97,6	663	97,8
Không đạt	10	2,1	5	2,4	15	2,2
Điểm thái độ (± SD)	19,6 ± 3,8		18,9 ± 3,6		19,4 ± 3,8	

Nhận xét: Đánh giá thái độ của đối tượng về TLĐT cho thấy tỷ lệ đối tượng có thái độ đúng về TLĐT là 97,8% trong đó đối với học sinh nam THPT 1 tỷ lệ này là 97,9% và THPT 2 là 97,6%.

Bảng 4. Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu sử dụng thuốc lá điện tử theo trường

Sử dụng TLĐT	THPT 1 (n=467)		THPT 2 (n=211)		Tổng (n=678)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Có sử dụng	32	6,9	39	18,5	71	10,5
Không sử dụng	435	93,1	172	81,5	607	89,5

Nhận xét: Kết quả bảng 4 cho thấy tỷ lệ đối tượng nghiên cứu có sử dụng TLĐT là 10,5% trong đó tỷ lệ này ở trường THPT 1 là 6,9% và ở THPT 2 là 18,5%.

3.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ và sử dụng thuốc lá điện tử của nam học sinh

Bảng 5. Mối liên quan giữa một số đặc điểm chung với kiến thức về thuốc lá điện tử của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung		Kiến thức				OR (95%CI)
		Chưa đạt (n=170)		Đạt (n=508)		
		SL	%	SL	%	
Trường học	THPT 1	101	59,4	366	72,0	0,6
	THPT 2	69	40,6	142	28,0	(0,4-0,8)
Lớp	Lớp 11 và 12	119	70,0	352	69,3	1,0
	Lớp 10	51	30,0	156	30,7	(0,7-1,5)
Mức tiêu vật	≥ 50.000 VNĐ	50	29,4	183	36,0	0,7
	< 50.000 VNĐ	120	70,6	325	64,0	(0,5-1,1)
Sống cùng	Không cùng cả 2	15	8,8	54	10,6	0,8
	Cả bố và mẹ	155	91,2	454	89,4	(0,4-1,5)
Con thứ trong GD	Con thứ nhất	101	59,4	258	50,8	1,4
	Con thứ 2 trở lên	69	40,6	250	49,2	(1,0-2,0)

Nhận xét: Kết quả bảng 5 chỉ ra những học sinh nam tại trường THPT 2 (THPT Quách Đình Bảo) (OR=0,6; 95%CI:0,4-0,8) và là con thứ nhất trong gia đình (OR=1,4; 95%CI:1,0-2,0) có khả năng có kiến

thức chưa đạt cao hơn so với những nam sinh trường THPT 1 (THPT Nguyễn Đức Cảnh) và là con thứ 2 trở lên trong gia đình.

Bảng 6. Mối liên quan giữa một số đặc điểm chung với thực trạng sử dụng thuốc lá điện tử của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung		Sử dụng TLĐT				OR (95%CI)
		Có (n=71)		Không (n=607)		
		SL	%	SL	%	
Trường học	THPT 1	32	45,1	435	71,7	0,3
	THPT 2	39	54,9	172	28,3	(0,2-0,5)
Lớp	Lớp 11 và 12	43	60,6	428	70,5	0,6
	Lớp 10	28	39,4	179	29,5	(0,4-1,1)
Mức tiêu vật	≥ 50.000 VNĐ	41	57,7	192	31,6	2,9
	< 50.000 VNĐ	30	42,3	415	68,4	(1,8-4,9)
Sống cùng	Không cùng cả 2	9	12,7	60	9,9	1,3
	Cả bố và mẹ	62	87,3	547	90,1	(0,6-2,8)
Con thứ trong GD	Con thứ nhất	39	54,9	320	52,7	1,1
	Con thứ 2 trở lên	32	45,1	287	47,3	(0,7-1,8)

Nhận xét: Học sinh nam tại trường THPT 2 và học sinh nam có mức tiêu vật ≥ 50.000 VNĐ là những yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng thuốc lá điện tử của đối tượng nghiên cứu.

Bảng 7. Mối liên quan giữa yếu tố bên ngoài với thực trạng sử dụng thuốc lá điện tử của đối tượng nghiên cứu

Các yếu tố bên ngoài		Sử dụng TLĐT				OR (95%CI)
		Có (n=71)		Không (n=607)		
		SL	%	SL	%	
Tiếp xúc với QC	Có	58	81,7	415	68,4	2,1
	Không	13	18,3	192	31,6	(1,1-3,9)
Bố/mẹ hút TLĐT	Có	10	14,1	12	2,0	8,1
	Không	61	85,9	595	98,0	(3,4-19,6)
Bạn bè hút TLĐT	Có	55	77,5	344	56,7	2,6
	Không	16	22,5	263	43,3	(1,5-4,7)

Nhận xét: Theo bảng 7, việc tiếp xúc với quảng cáo về TLĐT, nam sinh có bố mẹ và bạn bè hút TLĐT là những yếu tố nguy cơ liên quan đến thực trạng sử dụng TLĐT của đối tượng nghiên cứu.

Bảng 8. Mối liên quan giữa kiến thức và thái độ với thực trạng sử dụng thuốc lá điện tử của đối tượng nghiên cứu

Kiến thức và thái độ		Sử dụng TLĐT				OR (95%CI)
		Có (n=71)		Không (n=607)		
		SL	%	SL	%	
Kiến thức	Không đạt	23	32,4	147	24,2	1,5 (0,9-2,5)
	Đạt	48	67,6	460	75,8	
Thái độ	Không đạt	7	9,9	8	1,3	8,2 (2,9-23,3)
	Đạt	64	90,1	599	98,7	

Nhận xét: Kết quả bảng 8 cho thấy những học sinh nam có thái độ không tốt về TLĐT có khả năng sử dụng TLĐT cao hơn những học sinh nam có thái độ tốt (OR=8,2; 95%CI: 2,9-23,3).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức, thái độ và sử dụng thuốc lá điện tử của nam học sinh

Nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trên 724 học sinh nam ở 3 khối lớp 10, 11, 12 tại trường THPT Nguyễn Đức Cảnh và trường THPT Quách Đình Bảo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Trong đó, đa số học sinh nam thuộc khối lớp 11 chiếm 45,2%; khối lớp 10 chiếm 29,8% và khối lớp 12 chiếm 25%. Hầu hết chiếm 89,2% đối tượng đều đang sinh sống cùng cả bố và mẹ; chỉ sống cùng mẹ chiếm 5,7%; chỉ sống cùng bố chiếm 2,3%; sống cùng người bảo hộ chiếm 1,7%. Hơn 50% đối tượng tham gia nghiên cứu (52,4%) là con thứ nhất trong gia đình; 40,6% là con thứ hai và số còn lại là con thứ ba trở lên.

Về kiến thức

Tìm hiểu kiến thức của học sinh nam về tác hại của TLĐT, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy đa phần học sinh nam có kiến thức đúng (chiếm 74,9%) kết quả chúng tôi nhận được cao hơn so với kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu của tác giả Hoàng Thế Kỷ (2022) với tỷ lệ về kiến thức thực hiện ở học sinh trong 4 tỉnh thành Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh và Cần Thơ năm 2022 là 27% [6]. Điều này có thể do tỷ lệ học sinh nam đã từng nghe về TLĐT cao (chiếm 93,6%) và hầu hết các bạn đều có sự tiếp cận tìm hiểu thông tin về TLĐT. Bên cạnh đó, địa bàn nghiên cứu của chúng tôi là 2 trường THPT tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình – nơi có nền kinh tế và khả năng tiếp cận thông tin khá hơn so với các huyện lân cận, vì vậy các em học sinh nam có thể được tiếp cận sớm và đầy đủ hơn với những thông tin về TLĐT.

Điểm trung bình kiến thức của đối tượng nghiên cứu ở mức $5,1 \pm 2,5$ điểm. So sánh với một nghiên cứu tương tự nhằm tìm hiểu kiến thức của giới trẻ về TLĐT tại Hoa Kỳ có thể thấy tỷ lệ giới trẻ ở Hoa Kỳ hiểu đúng về TLĐT cũng không cao (dưới 37%) [7]. Một nghiên cứu khác ở Lebanon tìm hiểu kiến thức và thái độ của cộng đồng từ 15 đến 64 tuổi dùng điểm cắt để tính kiến thức đạt và thái độ đạt là 75% điểm tối đa, kết quả cho thấy chỉ có 36,7% người được hỏi có kiến thức đạt về thuốc lá điện tử [8]. Tương tự, nghiên cứu tại Jordan cũng cho thấy những người tham gia nghiên cứu có kiến thức không tốt về TLĐT [9]. Như vậy, có thể thấy rằng, việc các ĐTNC trong nghiên cứu này có điểm kiến thức về TLĐT thấp cũng nằm trong xu hướng chung của nhiều nghiên cứu trên thế giới.

Về thái độ

Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu có thái độ đúng về TLĐT ở mức 97,8%. Kết quả này phù hợp với khá nhiều nghiên cứu trên thế giới về kiến thức, thái độ của cộng đồng nói chung và của thanh thiếu niên nói riêng về TLĐT, với khá nhiều người có quan niệm và thái độ chưa đúng về TLĐT, chẳng hạn như tại Lebanon [8], Anh [10], Malaysia [11].

Về thực trạng sử dụng thuốc lá điện tử

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ đối tượng nghiên cứu hiện đang sử dụng thuốc lá điện tử khá cao, với tỷ lệ chung là 10,5%. Có thể lý giải một phần về kết quả này là do nền kinh tế của Thái Bình đang có những bước phát triển vượt bậc. Có thể vì vậy mà kinh tế gia đình/bản thân của những ĐTNC trong nghiên cứu này cao hơn so với các địa bàn khác nên khả năng tiếp cận/mua các sản phẩm TLĐT dễ dàng hơn, và là lý do dẫn tới tỷ lệ sử dụng TLĐT cao hơn hẳn so với mặt bằng chung của toàn quốc. Thực vậy, kết quả này cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ hút thuốc lá điện tử chung ở người trưởng thành từ 15 tuổi trở lên được thực hiện bởi nghiên cứu Điều tra toàn cầu về sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành ở Việt Nam (GATS) năm 2015. Mặc dù đối tượng nghiên cứu trong GATS rộng hơn rất nhiều so với đối tượng nghiên cứu của chúng tôi, nhưng năm 2015 chỉ phát hiện 1,1% người từ 15 tuổi trở lên đã từng hút TLĐT, và tỷ lệ hiện hút TLĐT ở thời điểm thu thập số liệu năm 2015 chỉ là 0,2%; trong đó tỷ lệ hiện hút ở nam giới và nữ giới lần lượt chỉ là 0,4% và 0,1% [12]. Cũng có thể nhận định rằng, chỉ sau 5 năm, tỷ lệ hút TLĐT ở Việt Nam đã tăng với một tốc độ chóng mặt, nếu so sánh thô thì có thể thấy tỷ lệ này đã tăng 36,5 lần đối với cả hai giới, và tăng lần lượt trong hai nhóm nam giới và nữ giới là 22,75 lần và 46 lần.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ và sử dụng thuốc lá điện tử của nam học sinh

Nghiên cứu này của chúng tôi phát hiện một số yếu tố liên quan đến kiến thức về TLĐT của đối tượng nghiên cứu bao gồm trường học ($OR=0,6$; 95%CI:0,4-0,8) và yếu tố là con thứ trong gia đình ($OR=1,4$; 95%CI:1,0-2,0). Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác trên thế giới còn phát hiện ra có sự khác biệt tỷ lệ kiến thức đạt về TLĐT của ĐTNC với một số đặc điểm cá nhân của ĐTNC như nghề nghiệp [8], chủng tộc [7]. Chính vì vậy, cần có

những nghiên cứu sâu hơn nhằm tìm hiểu các mối liên quan hay sự khác biệt về kiến thức của ĐTNC về TLĐT để từ đó có những can thiệp phù hợp với từng nhóm để tăng cường kiến thức đúng về TLĐT cho cộng đồng.

Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng, trường học và mức tiêu vật có liên quan tới thực trạng sử dụng TLĐT ở học sinh nam thuộc 2 trường THPT Nguyễn Đức Cảnh và THPT Quách Đình Bảo. Điều này tương đồng với kết quả thu được từ GATS năm 2015 [12].

Nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy những người có điểm tốt hơn về thái độ đối với thuốc lá điện tử thì xu hướng sử dụng TLĐT càng giảm đi, hay nói cách khác, những người ủng hộ TLĐT thì thường có khuynh hướng sử dụng sản phẩm này. Kết quả tương tự đã được ghi nhận bởi một nghiên cứu của Malaysia, khi những người có thái độ ủng hộ TLĐT thì xu hướng sử dụng TLĐT tăng cao hơn so với những người có thái độ không ủng hộ TLĐT [11]. Điều này gợi ý rằng, cần chú trọng định hướng để thanh thiếu niên có quan điểm đúng đắn hơn về TLĐT nhằm giảm tỉ lệ sử dụng TLĐT trong tương lai.

Mặc dù nghiên cứu của chúng tôi không phát hiện mối liên quan giữa kiến thức về thuốc lá điện tử và tình trạng hút TLĐT của đối tượng nghiên cứu, nhưng một số nghiên cứu khác cũng cho thấy những người có kiến thức kém về tác hại của thuốc lá nói chung và thuốc lá điện tử nói riêng thường có xu hướng sử dụng TLĐT cao hơn [13]. Tuy nhiên, nghiên cứu này thu thập số liệu từ 2012-2013 và có những khác biệt so với nghiên cứu của chúng tôi về phương pháp chọn mẫu nghiên cứu dẫn đến những kết quả không tương đồng. Một số nghiên cứu khác nhau trên thế giới đã chỉ ra nhiều mối liên quan với tình trạng sử dụng TLĐT ở giới trẻ, chẳng hạn như các đặc điểm nhân khẩu học, tình trạng hút thuốc [14], hay tình trạng sử dụng rượu bia [13]. Nghiên cứu tại Hoa Kỳ cũng chỉ ra một yếu tố liên quan tới chính sách thuế và quản lý liên quan tới việc tăng sử dụng TLĐT. Đó là những bang có thuế thấp và có chính sách kiểm soát thuốc lá lỏng lẻo thì tỉ lệ sử dụng TLĐT cao hơn [14]. Điều này gợi ý rằng, mặc dù hiện nay Việt Nam đang rất nỗ lực triển khai các hoạt động PCTHTL theo Luật PCTHTL đã được ban hành năm 2012 và có hiệu lực năm 2013, nhưng việc quản lý tình trạng buôn bán, vận chuyển, sử dụng TLĐT cần được kiểm soát nghiêm ngặt để nhằm hạn chế việc gia tăng sử dụng TLĐT nói riêng và sử dụng TLTT

nói chung trong giới trẻ và trong cộng đồng người trưởng thành. Việc kiểm soát chặt chẽ tình hình sử dụng thuốc lá nói chung, TLĐT nói riêng tại một số quốc gia đã cho thấy, tỉ lệ sử dụng thuốc lá truyền thống và thuốc lá đều giảm đi khi thực hiện nghiêm ngặt chính sách này, chẳng hạn như ở Úc [15]

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ học sinh nam sử dụng thuốc lá điện tử ở mức cao. Tỷ lệ này đến từ việc học sinh nam chưa có thái độ đúng về tác hại của thuốc lá điện tử cũng như sở hữu mức tiền tiêu vật hàng tháng cao và học theo người thân, bạn bè xung quanh sử dụng TLĐT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. McBride D. L. (2014), "E-cigarette use by children increasing", *J Pediatr Nurs*, 29(1), pp. 92-93.
2. Marynak K., A. Gentzke, T. W. Wang, et al. (2018), "Exposure to Electronic Cigarette Advertising Among Middle and High School Students - United States, 2014-2016", *MMWR Morb Mortal Wkly Rep*, 67(10), pp. 294-299.
3. Jane Ling M. Y., A. F. N. Abdul Halim, D. Ahmad, et al. (2023), "Prevalence and Associated Factors of E-Cigarette Use among Adolescents in Southeast Asia: A Systematic Review", *Int J Environ Res Public Health*, 20(5).
4. Lê Minh Đạt (2021), "Thực trạng sử dụng thuốc lá điện tử của thanh thiếu niên 15-24 tuổi tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 và một số yếu tố liên quan", *Tạp chí Y tế công cộng*, 57, tr. 51-62.
5. Nguyễn Thanh Hải, Phí Thị Thu Huyền, Ngô Thị Mai Lan và cộng sự (2022), "Thực trạng sử dụng thuốc lá, thuốc lá điện tử và một số yếu tố liên quan đến học sinh khối 10 và khối 11 tại Hải Phòng năm 2022", *Tạp chí Y học dự phòng*, 34(1), tr. 80-89.
6. Hoàng Thế Kỳ, Nguyễn Hạnh Nguyên, Trịnh Thu Hương và cộng sự (2022), "Kiến thức, thái độ và thực trạng sử dụng thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng ở học sinh Trung học phổ thông tại Việt Nam năm 2022", *Tạp chí Y tế công cộng*, 64, tr. 54-65.
7. Sanders-Jackson Ashley N., Andy S. L. Tan, Cabral A. Bigman, et al. (2015), "Knowledge About E-Cigarette Constituents and Regulation: Results From a National Survey of U.S. Young Adults", *Nicotine Tob Res*, 17(10), pp. 1247-1254.
8. Aghar Hanan, Nathalie El-Khoury, Mahasen

- Reda, et al. (2020)**, "Knowledge and attitudes towards E-cigarette use in Lebanon and their associated factors", BMC Public Health, 20, pp. 278 (2020).
- 9. Abdel-Qader Derar H. and Ahmad Z. Al Meslami (2020)**, "Knowledge and Beliefs of Jordanian Community Toward E-cigarettes: A National Survey", J Community Health (2020).
- 10. Dockrell Martin J, Rory Morison, Linda Bauld, et al. (2013)**, "E-Cigarettes: Prevalence and Attitudes in Great Britain", Nicotine Tob Res, 15(10), pp. 1737-1744.
- 11. Hafiz Ahmad, M. Mizanur Rahman and Zulkifli Jantan (2019)**, "Factors associated with knowledge, attitude and practice of e-cigarette among adult population in KOSPEN areas of Kuching district, Sarawak, Malaysia", Int J Community Med Public Health, 6(6), pp. 2300-2305.
- 12. WHO and MOH Vietnam (2016)**, "Global Adult Tobacco Survey, Fact sheet Vietnam 2015.", from: https://www.who.int/tobacco/surveillance/survey/gats/VN2015_FactSheet_Standalone_E_Oct2016.pdf?ua=1. August
- 13. Jiang Nan, Man PingWang, Sai Yin Ho, et al. (2016)**, "Electronic cigarette use among adolescents: A cross-sectional study in Hong Kong", BMC Public Health, 16(1), pp. 202.
- 14. Levy David T., Zhe Yuan and Yameng Li (2017)**, "The Prevalence and Characteristics of E-Cigarette Users in the U.S.", Int J Environ Res Public Health, 14(10), pp. 1200.
- 15. Harrold Timothy C, Audrey Maag, Sarah Thackway, et al. (2015)**, "Prevalence of e-cigarette users in New South Wales", The Medical journal of Australia, 203(8), pp. 326-327.